

Số: 55/2025/QĐST-DS

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15), điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 7 Điều 48, khoản 1 Điều 74, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 649, khoản 1 Điều 650; điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự, Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ khoản 5 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 15, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 290/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Trần Văn T (chết ngày 07/9/2025):*

- Chị Trần Thị Q, sinh năm 1997; nơi thường trú: tổ H, khu G, phường C, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: tổ F, khu F, phường C, tỉnh Quảng Ninh; (căn cước công dân số: 033197030618, ngày cấp 05/11/2022).

- Anh Trần Văn T1, sinh năm 2003; nơi thường trú: tổ H, khu G, phường C, tỉnh Quảng Ninh; (căn cước công dân số: 033203007744, ngày cấp 27/5/2023).

** Bị đơn:*

Ông Trần Đăng T2, sinh năm 1960; nơi cư trú: tổ G, khu G, phường H, tỉnh Quảng Ninh; (căn cước công dân số: 033060009737, ngày cấp: 28/8/2021).

Ông Trần Văn H, sinh năm 1969; nơi cư trú: tổ D, khu F, phường H, tỉnh Quảng Ninh; (căn cước công dân số: 033069008626, ngày cấp: 11/8/2021).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về tài sản là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị D:

Tài sản là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị D bao gồm (tiền gốc, tiền lãi chưa rút được Quỹ tín dụng nhân dân hạch toán thành tiền gốc, tiền lãi tạm tính đến ngày 30/9/2025 và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2025), cụ thể:

+ Tiền gốc là 733.816.000 (bảy trăm ba mươi ba triệu, tám trăm mười sáu nghìn) đồng và tiền lãi (tạm tính đến ngày 30/9/2025) là 522.000 (năm trăm hai mươi hai nghìn) đồng. Tổng cộng là 734.338.000 (bảy trăm ba mươi tư triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn) đồng, cụ thể:

Sổ tiết kiệm có kỳ hạn của Quỹ tín dụng nhân dân Đào D1; số sổ: AB4715422; Hợp đồng tiền gửi ngày 13/12/2022 giữa cụ Nguyễn Thị D và Quỹ Tín dụng: tiền gốc là 208.384.000 (hai trăm linh tám triệu, ba trăm tám mươi tư nghìn) đồng, tiền lãi (tạm tính đến ngày 30/9/2025) là 196.000 (một trăm chín mươi sáu nghìn) đồng.

Sổ tiết kiệm có kỳ hạn của Quỹ tín dụng nhân dân Đào D1; số sổ: AB5883764; Hợp đồng tiền gửi ngày 02/3/2023 giữa cụ Nguyễn Thị D và Quỹ Tín dụng: tiền gốc là 315.259.000 (ba trăm mười lăm triệu, hai trăm năm mươi chín nghìn) đồng, tiền lãi (tạm tính đến ngày 30/9/2025) là 196.000 (một trăm chín mươi sáu nghìn) đồng.

Sổ tiết kiệm có kỳ hạn của Quỹ tín dụng nhân dân Đào D1; số sổ: AB5883763; Hợp đồng tiền gửi ngày 02/3/2023 giữa cụ Nguyễn Thị D và Quỹ Tín dụng: tiền gốc là 210.173.000 (hai trăm mười triệu, một trăm bảy mươi ba nghìn) đồng, tiền lãi (tạm tính đến ngày 30/9/2025) là 130.000 (một trăm ba mươi nghìn) đồng.

+ Tiền lãi phát sinh (nếu có) kể từ ngày 01/10/2025.

2.2 Về người thừa kế, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:

Người thừa kế của cụ Nguyễn Thị D là: ông Trần Đăng T2, sinh ngày 07/10/1960, ông Trần Văn H, sinh ngày 02/9/1969, ông Trần Văn T, sinh ngày 27/6/1964 (chết ngày 07/9/2025).

Về người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn T là chị Trần Thị Q, anh Trần Văn T1.

2.3 Về phân chia di sản thừa kế:

* Đối với số tiền 734.338.000 (bảy trăm ba mươi tư triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn) đồng của cụ Nguyễn Thị D được gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân Đào D1 (tạm tính đến ngày 30/9/2025) được phân chia như sau:

- Ông Trần Đăng T2 được hưởng di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị D số tiền là 244.938.000 (hai trăm bốn mươi bốn triệu, chín trăm ba mươi tám nghìn) đồng.

- Ông Trần Văn H được hưởng di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị D số tiền là 244.700.000 (hai trăm bốn mươi bốn triệu, bảy trăm nghìn đồng) đồng.

- Chị Trần Thị Q và anh Trần Văn T1 (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn T) được hưởng phần di sản là 244.700.000 (hai trăm bốn mươi bốn triệu, bảy trăm nghìn) đồng mà ông T được hưởng di sản của cụ Nguyễn Thị D.

* Đối với tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2025 thì được chia đều thành ba phần, cụ thể: ông Trần Đăng T2 và ông Trần Văn H mỗi ông được hưởng một phần; chị Trần Thị Q và anh Trần Văn T1 được hưởng một phần.

Đề nghị Quỹ tín dụng nhân dân Đào D1 thực hiện nghiệp vụ theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan đối với việc chi trả số tiền trên theo quyết định của Tòa án.

2.5 Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Đăng T2.

- Ông Trần Văn H chịu 6.117.500 (sáu triệu, một trăm mười bảy nghìn, năm trăm) đồng án phí.

- Chị Trần Thị Q và anh Trần Văn T1 chịu 6.117.500 (sáu triệu, một trăm mười bảy nghìn, năm trăm) đồng án phí.

3. Về việc rút một phần yêu cầu của đương sự: do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện: không tiếp tục đề nghị Tòa án giải quyết đối với khoản tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng ông Trần Văn H nợ cụ Nguyễn Thị D; khoản tiền 650.000.000 (sáu trăm năm mươi triệu) đồng ông Trần Đăng T2 nợ cụ Nguyễn Thị D; bị đơn ông Trần Đăng T2 không tiếp tục đề nghị Tòa án giải quyết đối với khoản tiền 520.000.000 (năm trăm hai mươi triệu) đồng ông Trần Văn T nợ cụ Nguyễn Thị D. Nên, Tòa án không xem xét đối với yêu cầu mà các đương sự đã rút.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 – QN;
- Tòa án nhân dân tỉnh QN;
- Thi hành án DS tỉnh QN;
- Đương sự;
- Quỹ TDND Đào Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN*(đã ký)***Phạm Ngọc An**

-